VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 228/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH
Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 54/2024/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, thời hiệu xử phạt, hình thức xử phạt, mức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài (sau đây gọi là cá nhân, tổ chức) có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập.

2. Tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập theo quy định của Nghị định này bao gồm:

a) Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam;

b) Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp; doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;

c) Tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán; cơ sở đào tạo về kiểm toán.

3. Người có thẩm quyền lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập là 05 năm.

2. Thời điểm tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập được quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ ngày người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm;

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ ngày chấm dứt hành vi vi phạm.

Điều 4. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính

1. Các hình thức xử phạt chính:

Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Các hình thức xử phạt bổ sung:

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 01 tháng đến 24 tháng;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán hoặc đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 01 tháng đến 24 tháng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính).

3. Cách xác định tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ và mức phạt tiền cụ thể đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập được thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm nhiều lần các hành vi vi phạm hành chính quy định trong Nghị định này thì áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần.

5. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải áp dụng đầy đủ các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với hành vi vi phạm, chịu các biện pháp quản lý nhà nước phù hợp theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập và bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ Luật Hình sự.

Điều 5. Các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt quy định tại Điều 4 Nghị định này còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Buộc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập;

b) Buộc xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ;

c) Buộc lập trang thông tin điện tử; cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn, công bố, cập nhật đầy đủ thông tin;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính vào ngân sách nhà nước;

đ) Buộc nộp lại Chứng chỉ kiểm toán viên, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam giả mạo cho cơ quan, người có thẩm quyền được cấp Chứng chỉ kiểm toán viên, Giấy chứng nhận;

e) Buộc nộp lại Chứng chỉ kiểm toán viên, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam đã được cấp hoặc đã bị tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung Chứng chỉ kiểm toán viên, Giấy chứng nhận cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp;

g) Buộc nộp lại các tài liệu gian lận, giả mạo, kê khai không đúng thực tế thông tin, bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch, thay đổi nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền để được cấp Chứng chỉ kiểm toán viên, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam; chấp thuận tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên; chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng, đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới;

h) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam hết hiệu lực hoặc không còn giá trị hoặc khi bị thu hồi cho cơ quan, người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận;

i) Buộc thực hiện thủ tục cấp điều chỉnh, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

k) Buộc nộp trả lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính theo quy định;

l) Buộc thực hiện liên danh với doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

m) Buộc gửi báo cáo, giải trình, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu; buộc báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu bổ sung theo quy định;

n) Buộc tuân thủ chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam;

o) Buộc thu hồi Giấy chứng nhận tham gia cập nhật kiến thức cho học viên thực tế không tham gia cập nhật kiến thức;

p) Buộc cấp Giấy chứng nhận tham gia cập nhật kiến thức cho học viên và kiểm toán viên tham gia giảng dạy các lớp học cập nhật kiến thức sau mỗi lớp học;

q) Buộc làm thủ tục xóa ngành nghề kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định;

r) Buộc giao kết hợp đồng kiểm toán theo quy định;

s) Buộc không được thực hiện đăng ký hành nghề kiểm toán đối với kiểm toán viên trong thời gian từ 01 tháng đến 24 tháng.

2. Việc thi hành các biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

a) Đối với biện pháp khắc phục hậu quả tại Nghị định này, cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có) để thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong Quyết định xử phạt và phải chịu mọi chi phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đó;

b) Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả kịp thời và báo cáo kết quả thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đến người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định xử phạt.

Điều 6. Mức phạt tiền trong lĩnh vực kiểm toán độc lập

1. Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập là 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức.

2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7; khoản 1, khoản 3 Điều 9; khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 10; khoản 1 Điều 18; khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 21; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 22; Điều 36; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 38 là mức phạt tiền đối với cá nhân.

3. Đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm thì mức phạt tiền gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

Chương II
HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT TRONG LĨNH VỰC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Mục 1
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THI CHỨNG CHỈ VÀ CẬP NHẬT KIẾN THỨC CHO KIỂM TOÁN VIÊN

Điều 7. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ dự thi Chứng chỉ kiểm toán viên

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận không đúng thực tế về các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không đúng thực tế thông tin, sửa chữa, giả mạo về bằng cấp, chứng chỉ và các tài liệu khác trong hồ sơ để đủ điều kiện dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này vào ngân sách nhà nước;

b) Buộc nộp lại bằng cấp, chứng chỉ và các tài liệu khác đã bị sửa chữa, giả mạo cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp Chứng chỉ kiểm toán viên do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 8. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên

1. Phạt cảnh cáo đối với tổ chức đủ điều kiện được tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề kiểm toán theo quy định của Bộ Tài chính khi thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không theo dõi, điểm danh đối với học viên tham gia học cập nhật;

b) Không thực hiện việc lấy ý kiến đánh giá của học viên trên Phiếu đánh giá chất lượng lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên;

c) Không cấp Giấy chứng nhận cho học viên đã tham gia cập nhật kiến thức và Giấy xác nhận cho kiểm toán viên tham gia giảng dạy các lớp học cập nhật kiến thức sau mỗi lớp học;

d) Không cấp Giấy chứng nhận cho học viên đã tham gia cập nhật kiến thức và Giấy xác nhận cho kiểm toán viên tham gia giảng dạy các lớp học cập nhật kiến thức sau mỗi lớp học.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức đủ điều kiện được tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề kiểm toán theo quy định của Bộ Tài chính khi thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên không đúng với nội dung, chương trình đã đăng ký với Bộ Tài chính;

b) Nộp Báo cáo kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên cho Bộ Tài chính sau mỗi lớp học chậm so với thời hạn quy định;

c) Thông báo cho Bộ Tài chính về nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức lớp học, chi tiết về giảng viên, số lượng kiểm toán viên hành nghề đăng ký tham dự học trước khi tổ chức lớp học chậm so với thời hạn quy định; hoặc thông báo cho Bộ Tài chính khi có sự thay đổi về các nội dung trên chậm so với thời hạn quy định;

d) Nộp Báo cáo tổng hợp kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên chậm so với thời hạn quy định;

đ) Kê khai không đúng thực tế, giả mạo hồ sơ để đủ điều kiện được tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự;

e) Không lưu trữ đầy đủ hồ sơ về tổ chức cập nhật kiến thức kiểm toán viên theo quy định;

g) Công bố các thông tin theo quy định của Bộ Tài chính trên Trang thông tin điện tử của đơn vị chậm so với thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức đủ điều kiện được tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề kiểm toán theo quy định của Bộ Tài chính khi thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không nộp Báo cáo kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên cho Bộ Tài chính sau mỗi lớp học;

b) Không thông báo cho Bộ Tài chính về nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức lớp học, chi tiết về giảng viên, số lượng kiểm toán viên hành nghề đăng ký tham dự học trước khi tổ chức lớp học; hoặc không thông báo cho Bộ Tài chính khi có sự thay đổi về các nội dung trên theo quy định;

c) Không nộp Báo cáo tổng hợp kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên;

d) Thực hiện việc cập nhật kiến thức để tính giờ cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề kiểm toán khi chưa đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính;

đ) Báo cáo không đúng số lượng người tham gia học cập nhật kiến thức hoặc báo cáo không đúng số giờ cập nhật của kiểm toán viên;

e) Không tổ chức lớp nhưng báo cáo có tổ chức lớp;

g) Cấp Giấy chứng nhận tham gia cập nhật kiến thức cho học viên thực tế không tham gia cập nhật kiến thức;

h) Không công bố các thông tin theo quy định của Bộ Tài chính trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2, điểm d, điểm e, điểm g khoản 3 Điều này vào ngân sách nhà nước;

b) Buộc thu hồi Giấy chứng nhận tham gia cập nhật kiến thức của học viên thực tế không tham gia cập nhật kiến thức do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 3 Điều này;

c) Buộc cấp Giấy chứng nhận tham gia cập nhật kiến thức cho học viên và kiểm toán viên tham gia giảng dạy các lớp học cập nhật kiến thức sau mỗi lớp học do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

d) Buộc nộp lại các tài liệu gian lận, giả mạo để đủ điều kiện được tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên cho cơ quan, người có thẩm quyền do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này.

Mục 2

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ KIỂM TOÁN

Điều 9. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Chứng chỉ kiểm toán viên

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung Chứng chỉ kiểm toán viên;

b) Cho tổ chức, cá nhân khác ngoài đơn vị mình đang làm việc thuê, mượn, sử dụng Chứng chỉ kiểm toán viên của mình để đăng ký hành nghề kiểm toán; hoặc

c) Đăng ký hành nghề kiểm toán tại đơn vị nơi mình thực tế không làm việc theo hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi thuê, mượn, sử dụng Chứng chỉ kiểm toán viên của

người không làm việc hoặc làm việc không đảm bảo toàn bộ thời gian làm việc tại đơn vị mình để đăng ký hành nghề kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo Chứng chỉ kiểm toán viên mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều này vào ngân sách nhà nước;

b) Buộc nộp lại Chứng chỉ kiểm toán viên giả mạo, đã bị tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp Chứng chỉ kiểm toán viên do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều này;

c) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 10. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đăng ký hành nghề kiểm toán

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận không đúng thực tế các thông tin, tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo về các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

4. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi lần thứ 2 kể cả tái phạm việc giả mạo về các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

5. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi lần thứ 3 trở đi kể cả tái phạm việc giả mạo về các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán và các tài liệu kê khai không đúng thực tế, gian lận, giả mạo trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

Điều 11. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi nộp trả lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không nộp trả lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán cho Bộ Tài chính theo quy định.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán đã hết hiệu lực hoặc không còn giá trị để thực hiện các hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán độc lập.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 3 Điều này vào ngân sách nhà nước;

b) Buộc nộp trả lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán cho cơ quan, người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận do thực hiện hành vi quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Mục 3
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN

Điều 12. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận các tài liệu không đúng thực tế trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi gian lận, giả mạo hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

4. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi lần thứ 2 kể cả tái phạm việc gian lận, giả mạo hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

5. Phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với hành vi lần thứ 3 trở đi kể cả tái phạm việc gian lận, giả mạo hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này vào ngân sách nhà nước;

b) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán và các tài liệu kê khai không đúng thực tế, gian lận, giả mạo trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

Điều 13. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Nộp trả lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định khi bị thu hồi;

b) Làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán chậm so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không nộp trả lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính khi bị thu hồi;

b) Sửa chữa, tẩy xóa, làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

c) Cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

d) Không làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi có thay đổi phải điều chỉnh theo quy định;

đ) Không làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định.

3. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

4. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi lần thứ 2 kể cả tái phạm giả mạo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

5. Phạt tiền từ 800.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với hành vi lần thứ 3 trở đi kể cả tái phạm giả mạo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này;

b) Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm doanh nghiệp kiểm toán đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán và đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán);

c) Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 3 tháng đến 6 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm doanh nghiệp kiểm toán đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán và đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán);

d) Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này

(nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm doanh nghiệp kiểm toán đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán và đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán).

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2, khoản 3 Điều này vào ngân sách nhà nước;

b) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán giả mạo; Giấy chứng nhận đã bị tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này;

c) Buộc thực hiện thủ tục điều chỉnh, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này;

d) Buộc nộp trả lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho cơ quan, người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận khi bị thu hồi do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 14. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định nhưng sử dụng cụm từ "kiểm toán" trong tên gọi;

b) Không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán nhưng không làm thủ tục xóa ngành nghề kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định.

2. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Cung cấp dịch vụ kiểm toán khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

b) Tiếp tục kinh doanh các dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Kiểm toán độc lập khi đã tạm ngừng hoặc bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

c) Tiếp tục kinh doanh các dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Kiểm toán độc lập khi bị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán hoặc đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

d) Kinh doanh dịch vụ kiểm toán không đúng với nội dung của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm doanh nghiệp kiểm toán đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán và đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán);

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này vào ngân sách nhà nước;

b) Buộc làm thủ tục xóa ngành nghề kinh doanh dịch vụ kiểm toán do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản điểm a, điểm b, điểm d khoản 2 Điều này.

Điều 15. Xử phạt hành vi vi phạm về hồ sơ đăng ký tham gia kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận các tài liệu không đúng thực tế, tài liệu giả mạo trong hồ sơ để đủ điều kiện được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ để đủ điều kiện được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.

3. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo hồ sơ để đủ điều kiện được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

4. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi lần thứ 2 kể cả tái phạm việc giả mạo hồ sơ để đủ điều kiện được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

5. Phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với hành vi lần thứ 3 trở đi kể cả tái phạm việc giả mạo hồ sơ để đủ điều kiện được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này;

b) Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 6 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

d) Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này vào ngân sách nhà nước;

b) Buộc nộp lại các tài liệu kê khai không đúng thực tế, gian lận, giả mạo trong hồ sơ để đủ điều kiện được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng cho cơ quan, người có thẩm quyền đã chấp thuận do thực hiện hành vi quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này.

Mục 4

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN

Điều 16. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện việc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp không đúng với quy định của Bộ Tài chính.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán không thực hiện việc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp theo đúng quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 17. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chấp nhận thực hiện kiểm toán

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện kiểm toán cho khách hàng khi không đủ năng lực chuyên môn, không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện kiểm toán cho khách hàng khi khách hàng, đơn vị được kiểm toán có yêu cầu trái với đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc trái với quy định của pháp luật.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này vào ngân sách nhà nước.

Điều 18. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về thực hiện dịch vụ kiểm toán hoặc soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện kiểm toán, ký báo cáo kiểm toán hoặc báo cáo kết quả công tác soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.

b) Ký báo cáo kiểm toán hoặc báo cáo kết quả công tác soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng khi đang bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng khi thuộc một trong các trường hợp không được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;

b) Đơn vị có lợi ích công chúng lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán hoặc dịch vụ soát xét khi doanh nghiệp kiểm toán chưa được Bộ Tài chính chấp thuận;

c) Đơn vị có lợi ích công chúng lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán hoặc dịch vụ soát xét hoặc tiếp tục thực hiện hợp đồng kiểm toán, soát xét đã ký với doanh nghiệp kiểm toán trong trường hợp doanh nghiệp kiểm toán đó bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách được chấp thuận thực hiện kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán hoặc dịch vụ soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng hoặc khi đang bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều này vào ngân sách nhà nước.

Điều 19. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hợp đồng kiểm toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán giao kết hợp đồng kiểm toán với khách hàng, đơn vị được kiểm toán không đầy đủ các nội dung theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán giao kết hợp đồng kiểm toán với khách hàng, đơn vị được kiểm toán sau khi thực hiện kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán không giao kết hợp đồng kiểm toán với khách hàng, đơn vị được kiểm toán khi thực hiện kiểm toán.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc giao kết hợp đồng kiểm toán với khách hàng, đơn vị được kiểm toán đầy đủ theo quy định do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 20. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về bảo mật

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán không xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo mật.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi tiết lộ thông tin có liên quan đến hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán, trừ trường hợp khách hàng, đơn vị được kiểm toán chấp thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thông tin có liên quan đến hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 6 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này vào ngân sách nhà nước;

b) Buộc xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 21. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về báo cáo kiểm toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với kiểm toán viên thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Ký báo cáo kiểm toán không đúng thẩm quyền theo quy định;

b) Ký báo cáo kiểm toán trước ngày ký báo cáo tài chính được kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với kiểm toán viên thực hiện hành vi ký báo cáo kiểm toán quá 05 năm liên tục cho một đơn vị được kiểm toán (không là đơn vị có lợi ích công chúng).

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Bố trí kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán không đúng thẩm quyền theo quy định;

b) Phát hành báo cáo kiểm toán mà ngày ký báo cáo kiểm toán trước ngày ký báo cáo tài chính;

c) Lập báo cáo kiểm toán không có đầy đủ chữ ký của kiểm toán viên hành nghề theo quy định;

d) Giải trình không đầy đủ, đúng thời gian quy định về các nội dung ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, của đại diện chủ sở hữu đơn vị được kiểm toán.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với kiểm toán viên thực hiện hành vi ký báo cáo kiểm toán khi không phải là kiểm toán viên hành nghề.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không giải trình về các nội dung ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, của đại diện chủ sở hữu đơn vị được kiểm toán.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán khi thực hiện hành vi bố trí kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán quá 05 năm liên tục cho một đơn vị được kiểm toán (không là đơn vị có lợi ích công chúng).

7. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi bố trí người ký báo cáo kiểm toán khi không phải là kiểm toán viên hành nghề.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này từ lần thứ 2 trở đi kể cả tái phạm;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi quy định tại khoản 6 Điều này từ lần thứ 2 trở đi kể cả tái phạm.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này từ lần thứ 2 trở đi kể cả tái phạm;

b) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này từ lần thứ 2 trở đi kể cả tái phạm;

c) Buộc không được thực hiện đăng ký hành nghề kiểm toán đối với kiểm toán viên trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền kết luận kiểm toán viên thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này từ lần thứ 2 trở đi kể cả tái phạm (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm không phải là kiểm toán viên hành nghề).

Điều 22. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tính độc lập

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thông tin, giới thiệu sai sự thật về trình độ, kinh nghiệm và khả năng cung cấp dịch vụ của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam;

b) Mua, nhận, biếu, tặng, nắm giữ cổ phiếu hoặc phần vốn góp của đơn vị được kiểm toán không phân biệt số lượng;

c) Mua, bán trái phiếu hoặc tài sản khác của đơn vị được kiểm toán có ảnh hưởng đến tính độc lập theo quy định của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán;

d) Nhận hoặc đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ đơn vị được kiểm toán ngoài khoản tiền dịch vụ và chi phí đã thỏa thuận trong hợp đồng đã giao kết mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự;

đ) Sách nhiễu, lừa dối khách hàng, đơn vị được kiểm toán;

e) Can thiệp vào hoạt động kinh doanh của khách hàng, đơn vị được kiểm toán trong quá trình thực hiện kiểm toán;

g) Thực hiện thu nợ cho đơn vị được kiểm toán;

h) Thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng nay giữ chức vụ quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát, kế toán trưởng của đơn vị có lợi ích công chúng đó mà thời gian kể từ ngày kết thúc cuộc kiểm toán đến ngày giữ các chức vụ này dưới 12 tháng.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện kiểm toán thuộc một trong các trường hợp không được thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật;

b) Làm việc cho từ hai doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam trở lên trong cùng một thời gian;

c) Góp vốn vào từ hai doanh nghiệp kiểm toán trở lên;

d) Hành nghề kiểm toán với tư cách cá nhân;

đ) Thực hiện kiểm toán, ký báo cáo kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng quá 05 năm liên tục.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đơn vị có lợi ích công chúng chấp thuận kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính quá 05 năm liên tục;

b) Doanh nghiệp kiểm toán bố trí kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán, ký báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính cho một đơn vị có lợi ích công chúng quá 05 năm liên tục.

4. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thông đồng, móc nối với đơn vị được kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán.

5. Phạt tiền từ 800.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán lần thứ 2 trở đi kể cả tái phạm thông đồng, móc nối với đơn vị được kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán.

6. Phạt tiền mức gấp đôi mức phạt quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng có cùng hành vi vi phạm tại các khoản này.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có

hiệu lực thi hành đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều này (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm đang là kiểm toán viên hành nghề);

b) Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 1 tháng đến 3 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 3 tháng đến 6 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi quy định tại khoản 5 Điều này;

d) Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán thời gian gấp đôi thời gian quy định tại điểm b, điểm c khoản này đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng có cùng hành vi vi phạm tại khoản 4, khoản 5 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện các hành vi vi phạm quy định điểm a, điểm b, điểm d khoản 2; khoản 4; khoản 5; khoản 6 Điều này vào ngân sách nhà nước;

b) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều này (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm đang là kiểm toán viên hành nghề);

c) Buộc không được thực hiện đăng ký hành nghề kiểm toán đối với kiểm toán viên trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền kết luận kiểm toán viên thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều này (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm không phải là kiểm toán viên hành nghề).

Điều 23. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập hồ sơ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không lập hồ sơ kiểm toán đối với 01 cuộc kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không lập hồ sơ kiểm toán từ 02 cuộc kiểm toán trở lên;

b) Giả mạo, khai man hồ sơ kiểm toán mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

3. Phạt tiền mức gấp đôi mức phạt quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nếu vi phạm từ các lần kiểm tra, phát hiện hành vi vi phạm tiếp theo.

4. Phạt tiền mức gấp đôi mức phạt quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, Điều này khi thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng có cùng hành vi vi phạm quy định tại các khoản này.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại điểm b khoản 2, khoản 4 Điều này;

b) Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán thời gian gấp đôi thời gian quy định tại điểm b khoản này đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng có cùng hành vi vi phạm tại điểm b khoản 2 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi giả mạo, khai man hồ sơ kiểm toán mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự quy định tại điểm b khoản 2, khoản 4 Điều này vào ngân sách nhà nước.

Điều 24. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về bảo quản, lưu trữ hồ sơ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Bảo quản, lưu trữ hồ sơ kiểm toán không đầy đủ, an toàn, để hư hỏng, mất mát hồ sơ kiểm toán trong quá trình sử dụng và trong thời hạn lưu trữ;

b) Đưa hồ sơ kiểm toán vào lưu trữ chậm quá 12 tháng kể từ ngày phát hành báo cáo kiểm toán của cuộc kiểm toán;

c) Không thiết kế, thực hiện các chính sách và thủ tục để duy trì tính bảo mật, an toàn, toàn vẹn, có khả năng tiếp cận và phục hồi được của hồ sơ kiểm toán theo quy định của chuẩn mực kiểm toán;

d) Không thiết kế, thực hiện các chính sách và thủ tục về lưu trữ hồ sơ kiểm toán trong thời gian tối thiểu 10 năm kể từ ngày phát hành báo cáo kiểm toán của cuộc kiểm toán theo quy định của chuẩn mực kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán không thực hiện lưu trữ hồ sơ kiểm toán bằng giấy hoặc dữ liệu điện tử.

Điều 25. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tiêu hủy hồ sơ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Quyết định tiêu hủy hồ sơ kiểm toán không đúng thẩm quyền;

b) Tiêu hủy hồ sơ kiểm toán không thành lập hội đồng tiêu hủy, không thực hiện đúng phương pháp, thủ tục tiêu hủy và không lập danh mục hồ sơ

kiểm toán tiêu hủy, không lập biên bản tiêu hủy hồ sơ kiểm toán hết thời hạn lưu trữ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện việc hủy bỏ hồ sơ kiểm toán khi chưa hết thời hạn lưu trữ theo quy định hoặc cố ý làm hư hỏng hồ sơ kiểm toán.

Điều 26. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về công khai thông tin báo cáo minh bạch

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Bản báo cáo minh bạch khi công bố không có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kiểm toán hoặc người được ủy quyền;

b) Thực hiện công bố thông tin trong báo cáo minh bạch hoặc cập nhật các thông tin thay đổi chậm so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không lập trang thông tin điện tử theo quy định;

b) Không công bố và không cập nhật đầy đủ thông tin trong báo cáo minh bạch trên trang thông tin điện tử;

c) Công bố sai lệch thông tin trong báo cáo minh bạch.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc lập trang thông tin điện tử; cải chính thông tin sai sự thật, công bố, cập nhật đầy đủ thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Mục 5

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH CỦA ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Điều 27. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với đơn vị thuê doanh nghiệp kiểm toán trong các trường hợp doanh nghiệp kiểm toán không được thực hiện kiểm toán theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với đơn vị thuê doanh nghiệp kiểm toán không đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với đơn vị được kiểm toán không thực hiện kiểm toán bắt buộc đối với báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp và các công việc kiểm toán khác theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và pháp luật khác có liên quan.

Điều 28. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính không đầy đủ nội dung theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính chậm hơn so với thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán sau khi thực hiện kiểm toán.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm không thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính khi thực hiện kiểm toán.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc giao kết hợp đồng kiểm toán với doanh nghiệp kiểm toán đầy đủ theo quy định do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

Điều 29. Xử phạt hành vi vi phạm quy định liên quan đến cuộc kiểm toán

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với đơn vị được kiểm toán giải trình không đầy đủ, đúng thời gian quy định về các nội dung ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với đơn vị được kiểm toán không giải trình về các nội dung ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với đơn vị được kiểm toán chọn tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện hành nghề kiểm toán để ký hợp đồng kiểm toán.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với đơn vị được kiểm toán có hành vi từ chối cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho việc kiểm toán theo yêu cầu của kiểm toán viên hành nghề hoặc doanh nghiệp kiểm toán.

5. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với đơn vị được kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Mua chuộc, hối lộ, thông đồng với thành viên tham gia cuộc kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và báo cáo kiểm toán;

b) Đe dọa, trả thù, ép buộc thành viên tham gia cuộc kiểm toán nhằm làm sai lệch kết quả kiểm toán;

c) Che giấu hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán;

d) Cản trở công việc và có hành vi hạn chế phạm vi cuộc kiểm toán;

đ) Cung cấp sai lệch, không trung thực, không đầy đủ, không kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến cuộc kiểm toán.

6. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với đơn vị được kiểm toán thực hiện từ lần thứ 2 trở đi kể cả tái phạm một trong các hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Phạt tiền mức gấp đôi mức phạt quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này đối với đơn vị được kiểm toán là đơn vị có lợi ích công chúng có cùng hành vi vi phạm tại các khoản này.

Điều 30. Xử phạt hành vi vi phạm quy định liên quan đến trách nhiệm của đơn vị có lợi ích công chúng

Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với đơn vị có lợi ích công chúng thực hiện một trong các hành vi sau:

1. Không xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ.

2. Không tổ chức kiểm toán nội bộ.

3. Lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán khác được chấp thuận đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính khi báo cáo tài chính đó đã được một doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán, trừ trường hợp được phép theo quy định của pháp luật.

4. Không báo cáo với cơ quan có thẩm quyền chấp thuận doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán cho đơn vị mình lý do thay đổi doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận so với năm trước liền kề và lý do thay đổi doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán (nếu có).

5. Không thông báo với cơ quan có thẩm quyền chấp thuận doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán cho đơn vị mình khi phát hiện kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận vi phạm pháp luật về kiểm toán độc lập.

6. Cung cấp thông tin, số liệu không đúng sự thật liên quan đến các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

7. Không giải trình, cung cấp thông tin liên quan đến các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này;

b) Buộc báo cáo, giải trình, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu đúng sự thật do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này.

Mục 6
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ KIỂM TOÁN QUA BIÊN GIỚI

Điều 31. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh kiểm toán nước ngoài thực hiện hành vi tẩy xóa, sửa chữa hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam.

2. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Giả mạo hồ sơ đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự;

b) Cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

c) Tiếp tục kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam khi đã tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán, bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán hoặc đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này.

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam và đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán).

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do việc thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này vào ngân sách nhà nước;

b) Buộc nộp lại các tài liệu giả mạo, sửa chữa, tẩy xóa trong hồ sơ đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới cho cơ quan, người có

thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam và đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán).

Điều 32. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về phương thức cung cấp dịch vụ qua biên giới

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thanh toán và chuyển tiền liên quan đến cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới không theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối của Việt Nam;

b) Không giao kết hợp đồng kiểm toán theo quy định của pháp luật Việt Nam khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam thực hiện liên danh với doanh nghiệp nước ngoài không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới theo quy định khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

b) Doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện liên danh với doanh nghiệp tại Việt Nam không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

c) Doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài không lập hợp đồng liên danh khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới theo quy định.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài không thực hiện liên danh với doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện hành vi quy định tại khoản 3 Điều này (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam và đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán).

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được từ việc thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này vào ngân sách nhà nước;

b) Buộc phải thực hiện liên danh với doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

c) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam và đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán).

Điều 33. Xử phạt hành vi vi phạm về nghĩa vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thông báo cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định khi không đảm bảo một trong các điều kiện theo quy định để được cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới;

b) Nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán kèm theo báo cáo kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, văn bản nhận xét của cơ quan quản lý hành nghề kiểm toán nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính về tình hình thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động kiểm toán và các quy định pháp luật khác cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định;

c) Nộp báo cáo về tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới phát sinh tại Việt Nam cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không thông báo cho Bộ Tài chính khi không đảm bảo một trong các điều kiện theo quy định để được cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới;

b) Không nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán kèm theo báo cáo kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, văn bản nhận xét của cơ quan quản lý hành nghề kiểm toán nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính về tình hình thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động kiểm toán và các quy định pháp luật khác cho Bộ Tài chính theo quy định;

c) Không báo cáo, báo cáo không đúng thực tế về tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới phát sinh tại Việt Nam.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh

nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm hoặc cung cấp dịch vụ kiểm toán khi thuộc các trường hợp không được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Luật Kiểm toán độc lập của Việt Nam;

b) Không tuân thủ chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam khi thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

c) Không báo cáo, giải trình cho các cơ quan chức năng của Việt Nam các nội dung liên quan đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này vào ngân sách nhà nước;

b) Buộc tuân thủ chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này khi thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

c) Buộc báo cáo, giải trình theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều này;

d) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 34. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Lưu trữ không đầy đủ hồ sơ của cuộc kiểm toán đã thực hiện liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

b) Cung cấp không đầy đủ, không đúng thời hạn quy định cho cơ quan chức năng hồ sơ kiểm toán của cuộc kiểm toán đã thực hiện liên danh khi được yêu cầu;

c) Giải trình không đầy đủ, không đúng thời hạn quy định với các cơ quan chức năng về báo cáo kiểm toán, hồ sơ kiểm toán và các vấn đề khác phát sinh từ cuộc kiểm toán liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không lưu trữ hồ sơ của cuộc kiểm toán đã thực hiện liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

b) Không cung cấp cho cơ quan chức năng hồ sơ của cuộc kiểm toán đã thực hiện liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam khi được yêu cầu;

c) Không giải trình cho các cơ quan chức năng về báo cáo kiểm toán, hồ sơ kiểm toán và các vấn đề khác phát sinh từ cuộc kiểm toán liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

d) Không báo cáo cho Bộ Tài chính tình hình thực hiện liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cung cấp, giải trình, báo cáo đầy đủ cho cơ quan chức năng hồ sơ kiểm toán của cuộc kiểm toán đã thực hiện liên danh khi được yêu cầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 và điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều này.

Mục 7

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THÔNG BÁO VÀ BÁO CÁO

Điều 35. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của doanh nghiệp kiểm toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thông báo cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định khi có thay đổi phải thông báo theo quy định tại Luật Kiểm toán độc lập;

b) Nộp báo cáo tổng hợp tình hình duy trì điều kiện hành nghề kiểm toán hàng năm của các kiểm toán viên đăng ký hành nghề tại đơn vị mình cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định;

c) Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị đối với các trường hợp phải thông báo theo quy định của pháp luật;

d) Báo cáo Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định khi bị mất, bị hư hỏng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

đ) Nộp cho Bộ Tài chính báo cáo tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu chậm so với thời hạn quy định;

e) Nộp cho Bộ Tài chính báo cáo tình hình hoạt động năm chậm so với thời hạn quy định;

g) Nộp cho Bộ Tài chính báo cáo tài chính năm trước liền kề chậm so với thời hạn quy định;

h) Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định khi hoạt động trở lại sau thời gian tạm ngừng kinh doanh kiểm toán;

i) Nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán đến Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định;

k) Báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định;

l) Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định kể từ ngày kiểm toán viên hành nghề của doanh nghiệp kiểm toán bị cấm hành nghề kiểm toán theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bị truy cứu trách nhiệm hình sự; bị kết án một trong các tội về kinh tế, chức vụ liên quan đến tài chính, kế toán; bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

m) Thực hiện báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền chấp thuận khi thay đổi tên gọi, trụ sở, lĩnh vực hành nghề, danh sách kiểm toán viên hành nghề và các thay đổi dẫn đến việc không còn đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán chậm so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không thông báo cho Bộ Tài chính khi có thay đổi phải thông báo theo quy định tại Luật Kiểm toán độc lập;

b) Không nộp báo cáo tổng hợp tình hình duy trì điều kiện hành nghề kiểm toán hàng năm của các kiểm toán viên đăng ký hành nghề tại đơn vị mình kèm theo báo cáo duy trì điều kiện hành nghề kiểm toán hàng năm của từng kiểm toán viên cho Bộ Tài chính theo quy định;

c) Không thông báo cho Bộ Tài chính khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị đối với các trường hợp phải thông báo theo quy định của pháp luật;

d) Không báo cáo Bộ Tài chính khi bị mất, bị hư hỏng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

đ) Không báo cáo tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu cho Bộ Tài chính;

e) Không nộp báo cáo tình hình hoạt động năm cho Bộ Tài chính theo quy định;

g) Không nộp báo cáo tài chính năm trước liền kề cho Bộ Tài chính theo quy định;

h) Không thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính khi hoạt động trở lại sau thời gian tạm ngừng kinh doanh kiểm toán;

i) Không nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán đến Bộ Tài chính theo quy định;

k) Không thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao tài liệu cho Bộ Tài chính về việc thành lập hoặc chấm dứt hoạt động của cơ sở của doanh nghiệp kiểm toán ở nước ngoài;

l) Không báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính theo quy định;

m) Không báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền chấp thuận khi thay đổi tên gọi, trụ sở, lĩnh vực hành nghề, danh sách kiểm toán viên hành nghề và các thay đổi dẫn đến việc không còn đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi không thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính kể từ ngày kiểm toán viên hành nghề của doanh nghiệp kiểm toán bị cấm hành nghề kiểm toán theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bị truy cứu trách nhiệm hình sự; bị kết án một trong các tội về kinh tế, chức vụ liên quan đến tài chính, kế toán; bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Điều 36. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của kiểm toán viên hành nghề

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện thông báo, báo cáo cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định khi:

a) Không còn làm việc và chấm dứt hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán;

b) Hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam hết thời hạn hoặc bị chấm dứt hoặc có các thay đổi dẫn đến không còn đảm bảo là hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian theo quy định;

c) Giấy phép lao động tại Việt Nam của kiểm toán viên hành nghề là người nước ngoài hết hiệu lực hoặc không còn giá trị;

d) Bắt đầu hoặc tạm ngừng tham gia với tư cách cá nhân làm người đại diện theo pháp luật, giám đốc (phó giám đốc), chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán), nhân viên kế toán, kiểm toán nội bộ hoặc các chức danh khác tại đơn vị, tổ chức khác ngoài doanh nghiệp kiểm toán hoặc khi có thay đổi về thời gian làm việc, chức danh tại các đơn vị đó;

đ) Có yêu cầu của Bộ Tài chính về việc cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất liên quan đến hoạt động hành nghề kiểm toán của mình.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với kiểm toán viên hành nghề không thông báo, báo cáo theo quy định cho Bộ Tài chính khi:

a) Không còn làm việc và chấm dứt hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán;

b) Hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam hết thời hạn hoặc bị chấm dứt hoặc có các thay đổi dẫn đến không còn đảm bảo là hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian theo quy định;

c) Giấy phép lao động tại Việt Nam của kiểm toán viên hành nghề là người nước ngoài hết hiệu lực hoặc không còn giá trị;

d) Bắt đầu hoặc tạm ngừng tham gia với tư cách cá nhân làm người đại diện theo pháp luật, giám đốc (phó giám đốc), chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán), nhân viên kế toán, kiểm toán nội bộ hoặc các chức danh khác tại đơn vị, tổ chức khác ngoài doanh nghiệp kiểm toán hoặc khi có thay đổi về thời gian làm việc, chức danh tại các đơn vị đó;

đ) Có yêu cầu của Bộ Tài chính về việc cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất liên quan đến hoạt động hành nghề kiểm toán của mình.

Mục 8
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KIỂM TOÁN

Điều 37. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài đối với việc kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Nộp Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chậm so với thời hạn quy định;

b) Nộp Báo cáo giải pháp khắc phục sai sót và thực hiện kiến nghị của Đoàn kiểm tra cho cơ quan kiểm tra chậm so với thời hạn quy định;

c) Thực hiện báo cáo khi có yêu cầu của Bộ Tài chính hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động kiểm toán độc lập chậm so với thời hạn quy định;

d) Cung cấp không đúng thời hạn quy định, không đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm soát chất lượng kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không nộp Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

b) Không nộp Báo cáo giải pháp khắc phục sai sót và thực hiện kiến nghị của Đoàn kiểm tra cho cơ quan kiểm tra;

c) Không báo cáo theo yêu cầu khi có yêu cầu của Bộ Tài chính hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động kiểm toán độc lập;

d) Không cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm soát chất lượng kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng dịch vụ đối với dịch vụ kiểm toán, dịch vụ soát xét, thông tin tài chính, dịch vụ bảo đảm khác và dịch vụ liên quan;

b) Không xây dựng các chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng cho từng cuộc kiểm toán;

c) Không tổ chức thực hiện việc kiểm soát chất lượng dịch vụ đối với dịch vụ kiểm toán, dịch vụ soát xét, thông tin tài chính, dịch vụ bảo đảm khác và dịch vụ liên quan;

d) Không thực hiện các chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng ở cấp độ cuộc kiểm toán;

đ) Cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, không đúng thực tế cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm soát chất lượng kiểm toán;

e) Không giải trình, hợp tác với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm soát chất lượng kiểm toán;

g) Không bố trí kiểm toán viên hành nghề và những người có trách nhiệm liên quan làm việc với Đoàn kiểm tra;

h) Không ký báo cáo kết quả kiểm tra ngay khi kết thúc cuộc kiểm tra.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi quy định tại điểm d khoản 2; điểm đ, điểm e khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc báo cáo, giải trình, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1, điểm c và điểm d khoản 2, điểm đ và điểm e khoản 3 Điều này.

Điều 38. Xử phạt hành vi vi phạm quy định của kiểm toán viên ký báo cáo kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán đối với hồ sơ kiểm toán và chất lượng dịch vụ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với kiểm toán viên ký báo cáo kiểm toán có 1 hồ sơ xếp loại "Chất lượng hồ sơ kiểm toán không đạt yêu cầu".

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với kiểm toán viên ký báo cáo kiểm toán có từ 2 hồ sơ xếp loại "Chất lượng hồ sơ kiểm toán không đạt yêu cầu".

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với kiểm toán viên ký báo cáo kiểm toán có sai phạm nghiêm trọng về chuyên môn hoặc vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán theo quy định khi có từ 1 đến 2 hồ sơ xếp loại "Chất lượng hồ sơ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng".

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với kiểm toán viên ký báo cáo kiểm toán có sai phạm nghiêm trọng về chuyên môn hoặc vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán theo quy định khi có trên 2 hồ sơ xếp loại "Chất lượng hồ sơ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng".

5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán khi có kết luận chất lượng dịch vụ kiểm toán xếp loại "Chất lượng dịch vụ kiểm toán không đạt yêu cầu".

6. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán khi có kết luận chất lượng dịch vụ kiểm toán xếp loại "Chất lượng dịch vụ kiểm toán không đạt yêu cầu" qua hai lần kiểm tra liên tiếp.

7. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán khi có kết luận có sai phạm nghiêm trọng về chuyên môn hoặc vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán theo quy định khi có kết luận chất lượng dịch vụ kiểm toán xếp loại "Chất lượng dịch vụ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng".

8. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán có sai phạm nghiêm trọng về chuyên môn hoặc vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán theo quy định khi có kết luận chung về kết quả kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán xếp loại "Chất lượng dịch vụ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng" qua 2 lần kiểm tra liên tiếp.

9. Phạt tiền từ 800.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán có sai phạm nghiêm trọng về chuyên môn hoặc vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán theo quy định khi có kết luận chung về kết quả kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán xếp loại "Chất lượng dịch vụ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng" từ lần thứ 3 kiểm tra liên tiếp trở đi.

10. Phạt tiền mức gấp đôi mức phạt quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Điều này đối với kiểm toán viên ký báo cáo kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng có cùng hành vi vi phạm quy định tại các khoản này.

11. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc không được thực hiện đăng ký hành nghề kiểm toán đối với kiểm toán viên ký báo cáo kiểm toán trong thời gian 06 tháng kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền kết luận kiểm toán viên thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm kiểm toán viên ký báo cáo kiểm toán không phải là kiểm toán viên hành nghề);

b) Buộc không được thực hiện đăng ký hành nghề kiểm toán đối với kiểm toán viên ký báo cáo kiểm toán trong thời gian 12 tháng kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền kết luận kiểm toán viên thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm kiểm toán viên ký báo cáo kiểm toán không phải là kiểm toán viên hành nghề);

c) Buộc không được thực hiện đăng ký hành nghề kiểm toán đối với kiểm toán viên ký báo cáo kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng có cùng hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này thì thời gian thực hiện sẽ tăng lên gấp đôi so với thời gian quy định tại điểm a, điểm b khoản này (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm kiểm toán viên ký báo cáo kiểm toán không phải là kiểm toán viên hành nghề).

Chương III
THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN, XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Điều 39. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập, gồm:

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập quy định tại Nghị định này.

2. Công chức, viên chức và người thuộc lực lượng Công an nhân dân được giao.

Điều 40. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cục trưởng Cục Quản lý giám sát kế toán, kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo.

2. Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức.

3. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

4. Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán có thời hạn hoặc đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán có thời hạn.

5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 5 Nghị định này.

Điều 41. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Phạt cảnh cáo.

2. Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức.

3. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

4. Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán có thời hạn hoặc đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán có thời hạn.

5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 5 Nghị định này.

Điều 42. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân

1. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán có thời hạn hoặc đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán có thời hạn;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 5 Nghị định này.

2. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán có thời hạn hoặc đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán có thời hạn;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 5 Nghị định này.

3. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu và môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 800.000.000 đồng đối với cá nhân và 1.600.000.000 đồng đối với tổ chức;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán có thời hạn hoặc đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán có thời hạn;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 5 Nghị định này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2025.

2. Bãi bỏ một số quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập quy định tại Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập:

a) Bãi bỏ cụm từ "kiểm toán độc lập" tại Điều 1; khoản 1, khoản 3 Điều 2; khoản 2 Điều 3; Điều 4; Điều 5; Điều 6; Điều 69; Điều 70; khoản 3 Điều 71;

b) Bãi bỏ Chương III.

3. Bãi bỏ một số quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập quy định tại Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh sổ xố; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập:

a) Bãi bỏ cụm từ "kiểm toán độc lập" tại khoản 1 Điều 5;

b) Bãi bỏ cụm từ "Chương III", "Khoản 1, khoản 3 Điều 36", "Khoản 1 Điều 38", "Khoản 2, khoản 3 Điều 39", "Khoản 1, khoản 2 Điều 48", "Khoản 1 Điều 57", "Khoản 1, khoản 2 Điều 61", "Điều 67".

4. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập xảy ra và kết thúc trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét giải quyết thì áp dụng nghị định đang có hiệu lực tại thời điểm kết thúc hành vi vi phạm để xử phạt. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và sau khi Nghị định này có hiệu lực vẫn đang được thực hiện, thì áp dụng quy định của Nghị định này để xử phạt.

5. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập và Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập để giải quyết.

Điều 44. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Đức Phớc